

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT

Ngày 07-3-2019

V/v tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử
dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên.

Ông Nguyễn Văn Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Mai Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông **Diệp Văn M**, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Ông **Diệp Văn V (D)**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

3. Bà **Diệp Thị M**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

4. Bà **Diệp Thị L**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

5. Bà **Diệp Thị C**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Diệp Văn V (D), bà Diệp Thị M, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C:* Ông **Diệp Văn M**, sinh năm 1975 theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2018 (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Ông **Võ Minh T1**, sinh năm 1987 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn T:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1963 theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2017 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Diệp Thị Mỹ L**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

2. Bà **Diệp Thị T1**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Diệp Thị Mỹ L, bà Diệp Thị T1:* Ông Diệp Văn M, sinh năm 1975 theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2018 (có mặt).

3. Bà **Võ Thị Y**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Y:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1963 theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018 (có mặt).

4. **Ủy ban nhân dân huyện C**, có trụ sở tại: k4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hoàng K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu B- Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C theo văn bản ủy quyền số: 383/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Diệp Văn M là nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Diệp Văn M trình bày: Diện tích đất 2.137,5m², thuộc thửa số 1329 và diện tích đất 2.020m², thuộc thửa số 1370, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông Diệp Trung R (chết năm 2006) và bà Nguyễn Thị G (chết năm 2012) là cha mẹ của ông. Năm 1991 ông R cho bà Lê Thị P thuê diện tích đất 2.020m², thửa số 1370 với giá 100 gia lúa, thời hạn thuê 15 năm. Đến năm 1993 ông R tiếp tục cho bà P thuê diện tích đất 2.137,5m², thửa số 1329 để trồng lúa, với giá 07 chỉ vàng 24 kara, việc cho thuê không có làm giấy tờ. Nên ông yêu cầu bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và ông Võ Minh T1 phải trả diện tích đất 2.137,5m², thửa số 1329; Diện tích đất 2.020m², thửa số 1370, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho gia đình ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370 cấp cho hộ bà P.

Nguyên đơn ông Diệp Văn V (D), bà Diệp Thị M, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Diệp Văn M, nên không có lời trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo bị đơn bà Lê Thị P, trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 1329, 1370 của ông Diệp Trung R là cha của ông Diệp Văn M. Ngày 06/4/1991 bà có chuyển nhượng 02 công đất ruộng của ông R với giá 100 gia lúa, việc chuyển nhượng có

làm giấy tay và được xác nhận, sau khi chuyển nhượng bà nhận đất và canh tác đến nay không có ai tranh chấp. Đến năm 1995 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370, diện tích đất 2.020m², tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngày 30/6/1993 bà tiếp tục chuyển nhượng 02 công đất ruộng của ông R với giá 07 chỉ vàng 24 kara, việc chuyển nhượng có làm giấy tay và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận, sau khi chuyển nhượng bà nhận đất và canh tác đến nay không có ai tranh chấp, phần đất này hiện nay bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008 ông M yêu cầu bà đưa số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đưa trước cho ông M 15.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng khi nào hoàn tất giấy tờ sẽ giao đủ. Nhưng sau đó ông M không thực hiện như thỏa thuận và ông M đã trả lại cho bà số tiền 15.000.000 đồng. Nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Võ Văn T và ông Võ Minh T1 có lời trình bày và yêu cầu như bà Lê Thị P.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C do ông Nguyễn Hữu B làm đại diện, trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị P thửa đất số 1370 vào năm 1995 là đúng theo quy định của pháp luật, nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370 của ông M là không có căn cứ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 2.137,5m², chiết từ thửa số 1329, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa và diện tích 2.020m², thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị P thuộc thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m², tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Giao cho bà Lê Thị P tiếp tục sử dụng diện tích 2.137,5m², chiết từ thửa số 1329, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vị trí tứ cận đất như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc giáp với thửa số 1315, 1316 có chiều dài 30.28m, 39.81m.
- Cạnh hướng Tây Bắc giáp với thửa số 1329 còn lại có chiều dài 30.99m.
- Cạnh hướng Tây Nam giáp với thửa số 1331, 1330 có chiều dài 25.54, 46.25m.
- Cạnh hướng Đông Nam giáp với thửa số 1370 có chiều dài 30.74m.

Bà Lê Thị P có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ về tài chính để làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất với diện tích 2.137,5m², tứ cận theo quyết định của bản án này.

Giao cho bà Lê Thị P tiếp tục sử dụng diện tích 1.984,7m², thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vị trí tứ cận đất như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc giáp với thửa số 1315, 1371 có chiều dài 28.76m, 35.1m.
- Cạnh hướng Tây Bắc giáp với thửa số 1329 còn lại có chiều dài 30.74m.
- Cạnh hướng Tây Nam giáp với thửa số 1368, 1369 có chiều dài 38.39, 26.33m.
- Cạnh hướng Đông Nam giáp với kênh có chiều dài 30.98m.
(kèm sơ đồ thửa đất tranh chấp).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 ông Diệp Văn M kháng cáo, yêu cầu bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và ông Võ Minh T1 phải trả diện tích đất 2.137,5m², thửa số 1329; Diện tích đất 2.020m², thửa số 1370, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho gia đình ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370 cấp cho hộ bà P.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 15/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo hướng hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh giữ nguyên kháng nghị.
- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị y án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về nội dung chưa xác minh, điều tra làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Diệp Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa hôm nay, ông M kháng cáo yêu cầu bà P, ông T và ông T1 phải trả diện tích đất 2.137,5m², thửa số 1329; Diện tích đất 2.020m², thửa số 1370, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho gia đình ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370 cấp cho hộ bà P. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Xét thấy, theo sơ đồ khu đất tranh chấp của, thì phần đất tranh chấp thực đo theo sự hướng dẫn chỉ ranh của các đương sự gồm 02 thửa đất: Phần còn lại của thửa số 24, diện tích 2.173m²; Chiết thửa số 24, diện tích 1.984,7m², cùng tờ bản đồ số 22 (tư liệu năm 2005), tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do gia đình bà P đang quản lý sử dụng.

[4] Theo lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, đều khai thống nhất diện tích đất đang tranh chấp theo tư liệu năm 1983 là thửa số 858, tờ bản đồ số 4; tư liệu năm 1991 là thửa số 1329, 1370, cùng tờ bản đồ số 4; tư liệu năm 2005 là thửa số 24, tờ bản đồ số 22 có nguồn gốc là của cha mẹ ông M là ông Diệp Trung R và bà Nguyễn Thị G.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P cho rằng năm 1991 bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông R diện tích 2.020m², đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất bà P khai chuyển nhượng diện tích đất 2.020m² vào năm 1991, tờ sang nhượng chủ quyền đất ruộng ngày 06/4/1991 ghi ông R chuyển nhượng cho bà P 02 công đất. Còn tờ giao ước sang nhượng ruộng đất canh tác ngày 30/6/1993 ghi ông R chuyển nhượng cho bà P diện tích đất 2.020m². Như vậy, tại sau tờ giao ước sang nhượng ruộng đất canh tác ngày 30/6/1993 ghi ông R chuyển nhượng cho bà P diện tích đất 2.020m² nhưng bà P làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 07/9/1991 khai chuyển nhượng diện tích 2.020m² và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/1995 thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m², vấn đề này cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ (bút lục số 55, 58, 117, 118).

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P cho rằng tờ sang nhượng chủ quyền đất ruộng ngày 06/4/1991 do ông R viết, ký tên rồi giao cho bà. Còn tờ giao ước sang nhượng ruộng đất canh tác ngày 30/6/1993 chồng bà là ông Võ Văn T đem lại cho ông R ký tên, thì ông R cho rằng ông và gia đình không ai biết chữ nên ông T gạch chéo sau tên từng người trong gia đình ông R trong tờ giao ước sang nhượng ruộng đất

canh tác. Ông M thì cho rằng ông R và gia đình ông đều biết chữ, vấn đề này cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ (bút lục số 117, 118).

[7] Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 10/4/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh Chi nhánh huyện C thì tài liệu đo đạc năm 1983 ông R kê khai thửa đất số 858, diện tích 18.000m². Tại Báo cáo số: 01/BC-TNMT ngày 02/01/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Công văn số: 586/UBND-NC ngày 28/02/2018 và Công văn số: 88/UBND-NC ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C, đã xác định việc Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m², tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 27/9/1995 cho hộ bà Lê Thị P là đúng trình tự, thủ tục, diện tích, chủ thể và hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và Công văn số: 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân, để cho rằng việc Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P là đúng quy định của pháp luật là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, như diện dẫn và phân tích ở phần [5] và căn cứ vào Luật đất đai năm 1993, Công văn số: 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính thì cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ quy trình cấp quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện C cho bà P vào năm 1995 có đúng trình tự, thủ tục và đối tượng không (bút lục số 52, 53, 132, 317).

[8] Tại Công văn số: 586/UBND-NC ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng, thửa đất số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m², đất tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị P kê khai đăng ký từ năm 1991 (có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, có ý kiến của Hội đồng đăng ký đất xã) và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 27/9/1995. Còn tại Công văn số: 88/UBND-NC ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng, thửa đất số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m², đất tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị P kê khai đăng ký từ năm 1991 (có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, có ý kiến của Hội đồng đăng ký đất xã hướng dẫn thủ tục) và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 27/9/1995. Cùng một vấn đề, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C có hai ý kiến khác nhau, nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ (bút lục số 52, 53).

[9] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về nội dung vụ án, chưa xác minh làm rõ các vấn đề trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và đề nghị của Kiểm sát viên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C để xét xử sơ thẩm lại cho đảm bảo đúng pháp luật, nhất là bảo đảm mọi sự kiện điều được ở hai cấp xét xử.

[10] Do án sơ thẩm bị hủy, nên cấp phúc thẩm không xem xét phần kháng cáo của ông Diệp Văn M.

[11] Ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V (D), bà Diệp Thị M, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C với bị đơn bà Lê Thị P, ông Võ Văn T, ông Võ Minh T1.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Về án phí: Ông Diệp Văn M không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Diệp Văn M 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0018119 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đối với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Hoàng Vân